TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2026/DS-ST
Ngày: 23 - 01 - 2026.
Về việc tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh.

Ông Đặng Hoàng Mích.

- ***Thư ký phiên Tòa****:* Bà Trần Thị Thảo Nguyên – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 05/2026/QĐST- DS ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị T**, sinh ngày 11/8/1976 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số: 083 176 002 136, cấp ngày 13/4/2021.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà T: **Anh Trần Chí T,** sinh năm 1981. Cước công dân số: 083 081 013 074, cấp ngày 09/8/2021, địa chỉ liên hệ: Ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền của bà T. (Văn bản ủy quyền ngày 04/02/2025). (Anh T có mặt)

- *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Minh H**, sinh ngày 15/7/1991 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số: 083 091 000 218, cấp ngày 21/02/2021.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/02/2025, văn bản trình bày ý kiến ngày 05/11/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn do anh Trần Chí T đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết, tin tưởng trong làm kinh tế, nên ngày 21/01/2025 bà T có cho anh H vay số tiền 1.000.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, lãi suất thỏa thuận theo quy định của Nhà nước, thời hạn vay là 05 ngày (kể từ ngày cho vay).

Từ khi vay tiền đến nay, anh H không trả tiền nợ lãi và tiền nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trước tình hình trên, bà T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu anh H trả nợ, nhưng anh cứ hứa hẹn nhiều lần mà không trả.

Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nay bà T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Minh H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ là: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

- Tại phiên Tòa: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không thay đổi gì.

** Đối với anh Nguyễn Minh H là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng anh đều vắng mặt, nên không thu thập được lời khai.*

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc anh H có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ vay gốc là 1.000.000.000 đồng và ghi nhận sự tự nguyện bà T không tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Bị đơn anh Nguyễn Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Căn cứ theo biên bản xác minh tại Công an xã Thạnh Trị: Xác định anh Nguyễn Minh H có đăng ký thường trú tại ấp Bình Phú, xã Thạnh Trị, tỉnh Vĩnh Long, nhưng hiện tại không sinh sống tại địa phương, bỏ đi khoảng 01 năm nay. Mà theo địa chỉ của anh H được ghi trong giao dịch *"Hợp đồng vay tiền và tài sản"*

đề ngày 21/01/2025 với bà T là cư trú tại ấp Bình Phú, xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (nay là ấp Bình Phú, xã Thạnh Trị, tỉnh Vĩnh Long).

Vì vậy, trong đơn khởi kiện bà T đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của anh H, nay anh H thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho bà T biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung mà không đình chỉ giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh H là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà T khởi kiện yêu cầu anh H có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay là 1.000.000.000 đồng và không tính lãi suất. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Minh H có đăng ký thường trú tại ấp Bình Phú, xã Thạnh Trị, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long.

* *Về nội dung:*

- Xét yêu cầu khởi kiện của bà T buộc anh H có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay 1.000.000.000 đồng và không tính lãi suất.

- Cơ sở chứng cứ:

+ Hợp đồng vay tiền và tài sản đề ngày 21/01/2025.

[4]. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, xác định giữa bà T với anh H có giao dịch vay tiền với nhau. Bà T cho anh H vay 1.000.000.000 đồng vào ngày 21/01/2025, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, lãi suất thỏa thuận theo quy định của Nhà nước, thời hạn vay là 05 ngày (kể từ ngày cho vay). Nhưng từ khi vay đến nay chưa trả vốn cũng như lãi, khi đến đòi thì anh H cứ hứa hẹn mà không trả. Đối với anh H trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đều vắng mặt nên không có lời khai.

[4.1]. Xét tài liệu, chứng cứ do bà T giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đó là: Hợp đồng vay tiền và tài sản đề ngày 21/01/2025, có thể hiện nội dung bà T (là bên A) có cho anh H (là bên B) vay số tiền 1.000.000.000 đồng theo đúng như lời trình bày của nguyên đơn nêu trên; anh H ký tên, ghi rõ họ tên và điểm chỉ lăn tay dưới mục bên B là bên vay tiền.

[4.2]. Nay anh H không có ý kiến gì về chứng cứ do bà T giao nộp, vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy

triệu tập, Thông báo các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, ra Thông báo cho anh H có nghĩa vụ cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ chứng minh, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh "*về việc bà T có yêu cầu anh H có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay là 1.000.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất*", nhưng hết thời gian ấn định và cho đến khi mở phiên tòa xét xử, anh H vẫn không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hay có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà T, cũng như không có ý kiến gì về chứng cứ do bà T giao nộp. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, xem như mặc nhiên anh H thừa nhận còn nợ bà T số tiền nợ vay nêu trên.

[4.3]. Từ cơ sở phân tích trên, xác định được anh H có vay của bà T và còn nợ lại 1.000.000.000 đồng, hợp đồng vay được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện, có làm Hợp đồng vay, có thỏa thuận thời hạn trả nợ, có tính lãi suất, nên được xem là Hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Qua hợp đồng vay thấy rằng, anh H đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi đầy đủ cho bà T, mặc dù đã đến thời hạn thanh toán nợ; nên bà T khởi kiện yêu cầu anh H trả số tiền nợ vay nêu trên là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về lãi suất:

Bà T chỉ yêu cầu trả vốn và không yêu cầu trả lãi suất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long về quan điểm giải quyết vụ án: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn phải chịu án phí của số tiền 1.000.000.000 đồng là:

1.000.000.000 đồng = 36.000.000 đồng + (3% x 200.000.000 đồng)

= 42.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Minh H về việc "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*".

2. Buộc anh Nguyễn Minh H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ vay vốn gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nêu trên.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

5.1. Anh Nguyễn Minh H phải có nghĩa vụ chịu là 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

5.2. Bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0005790 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Nguyễn Minh H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên